TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tám;

Bà Nguyễn Hồng Trang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Tòng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Số nhà 1921, tổ 5, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Quang B, sinh năm 1976; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B6/21, Ấp 2, huyện B , thành phố M; nơi cư trú:hiện nay Số nhà 1921, tổ 5, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn ngày 26 tháng 3 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị P và anh Trần Quang B tự nguyện chung sống vào năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh B thường xuyên cự cãi, đến năm 2016 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn do anh B không lo làm ăn,

không có thu nhập ổn định để chăm lo gia đình nên dẫn đến cuộc sống của anh, chị không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quang B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Quang B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản đề ngày 11/4/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Trần Quang B trình bày:

Anh B và Nguyễn Thị P chung sống vợ chồng vào năm 2011, không đăng ký kết hôn đúng như chị P trình bày. Trong quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc, anh và chị P không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng chỉ do chị Phần thường xuyên đi chơi, gia đình và anh B có nhắc nhỡ nên chị P yêu cầu ly hôn ly hôn với anh. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh B đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Trần Quang B và chị Nguyễn Thị P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: AnhTrần Quang B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị P và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Về nội dung vụ án: Về hôn nhân không công nhận chị P và anh B là vợ chồng; Về con chung chị P và anh B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung chị P và anh B không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị P và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Quang B tự nguyện chung sống vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn nên việc chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh B nên căn cứ

Khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Trần Quang B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Quang B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Quang B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1, Điều 1 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Trần Quang B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Quang B không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Quang B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm , nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo theo biên lai thu số 0005113 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú của các đương sự.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (L).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc An